TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **482**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06/9/2019
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Hoàng Hoa;

2. Ông Nguyễn Hoa Kiều;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Dương Kim Cương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh – kiểm sát viên;

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/3/2019 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Đỗ Minh A,** sinh năm 1989 (có mặt).

Trú tại: Ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Phan Thị Diễm B,** sinh năm 1995 (vắng mặt).

Trú tại: Ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp M1, xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Đỗ Minh A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phan Thị Diễm B qua tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2016, sau đó có đăng ký kết hôn được Uỷ ban nhân dân xã N, huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận kết hôn số 87 ngày 21/9/2016. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không còn hợp nhau, chị B không tôn trọng anh và gia đình anh, chị B không khắc phục được làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm gay gắt.

Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị B.

Về con chung: Có 01 con chung Đỗ Vĩnh C, sinh ngày 06/02/2017 hiện đang sống với anh, khi luy hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị B cấp dưỡng;

Về tài sản chung: Không có tài sản chung;

Về nợ chung: Không có nợ chung.

* Bị đơn chị Phan Thị Diễm B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo qui định pháp luật tố tụng, nhưng chị B vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có gửi văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh A đối với chị B.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, thẩm phán đã chấp hành đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa nguyên đơn có thực hiện đúng các qui định về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát có lập luận và kết luận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh A có căn cứ, bởi vì vợ chồng anh chị hiện đã ly thân nhau do đã có mâu thuẩn, không hàn gắn được, chị B không đến Tòa án đều đó thể hiện không có ý chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A, cho anh A được ly hôn với chị B;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của anh Đỗ Minh A tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: anh Đỗ Minh A và chị Phan Thị Diễm B qua tìm hiểu, tự nguyện sống chung năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn quyển số 87 ngày 21/9/2016 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị Phan Thị Diễm B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa anh A xin ly hôn với chị B, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống cụ thể là do chị B không tôn trọng anh, gia đình anh, có lời lẽ xúc phạm cha mẹ anh dẫn đến vợ chồng thường

xuyên xảy ra mâu thuẫn, tính tình không còn hòa hợp với nhau và hiện vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 10/2018. Nay anh nhận thấy không còn tình cảm với chị B nên kiên quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Xét mâu thuẫn giữa anh A và chị B hiện rất trầm trọng dẫn đến vợ chồng ly thân nhau thời gian đã lâu nhưng không hàn gắn được, mục đích hôn nhân hiện tại không đạt được. Phía chị B không không có ý kiến gì và không có mặt tại tòa án, không có văn bản ghi ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của anh A, điều đó cho thấy chị B không có thiện chí để hàn gắn tình quan hệ hôn nhân với anh A nên cần xem xét cho anh A được ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 01 con chung Đỗ Vĩnh C, sinh ngày 06/02/2017 hiện đang sống với anh, khi ly hôn anh yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị B cấp dưỡng. Xét yêu cầu của anh A là phù hợp vì hiện tại con chung đang sống với anh và hiện do anh trực tiếp nuôi, chị B không tranh chấp nuôi con chung, do đó cần để ổn định cho cháu nên giao cho anh A tiếp tục nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B đến khi anh A có yêu cầu;

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Đỗ Minh A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đỗ Minh A đối với chị Phan Thị Diễm B;

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Minh A được ly hôn với chị Phan Thị Diễm B;

Về con chung: Giao con chung Đỗ Vĩnh C, sinh ngày 06/02/2017 cho anh A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng;

Chị B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở;

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B đến khi anh A có yêu cầu;

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Anh A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0015769 ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo nên xem như nộp xong án phí.

Anh A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

NGUYỄN THỊ MỸ LIL

*** <u>Nơi nhận</u>:**
- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND huyện Chợ Gạo (để giám sát)
- CCTHADS huyện CG (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ